

## Tổng hợp kiến thức về So sánh hơn và So sánh nhất của Trạng từ dài

Trong tiếng Anh, khi muốn so sánh cách thức thực hiện một hành động, chúng ta sử dụng trạng từ. Đối với các trạng từ dài (thường có 2 âm tiết trở lên), quy tắc so sánh sẽ khác với trạng từ ngắn. Bài viết này sẽ tổng hợp đầy đủ kiến thức giúp bạn nắm vững phần ngữ pháp này.

### 1. Trạng từ dài là gì? (Long Adverbs)

Trạng từ dài là những trạng từ có hai âm tiết trở lên. Hầu hết các trạng từ được thành lập bằng cách thêm đuôi "-ly" vào sau tính từ đều là trạng từ dài.

- **beautiful** (tính từ) → **beautifully** (trạng từ)
- **careful** (tính từ) → **carefully** (trạng từ)
- **slow** (tính từ) → **slowly** (trạng từ)
- **fluent** (tính từ) → **fluently** (trạng từ)

### 2. So sánh hơn với trạng từ dài (Comparative with Long Adverbs)

So sánh hơn của trạng từ được dùng để so sánh cách thức thực hiện hành động của hai đối tượng hoặc hai hành động khác nhau của cùng một đối tượng.

**Cấu trúc:**

**S + V + more + adv + than + Noun/Pronoun/Clause**

## Giải thích:

Trong cấu trúc này, chúng ta thêm từ "more" vào trước trạng từ dài và dùng "than" để giới thiệu đối tượng được so sánh.

## Ví dụ minh họa:

1. My sister speaks English **more fluently than** I do. (Chị gái tôi nói tiếng Anh trôi chảy hơn tôi.)
2. He drives **more carefully than** his brother. (Anh ấy lái xe cẩn thận hơn anh trai mình.)
3. Could you please speak **more slowly**? (Bạn có thể vui lòng nói chậm hơn được không?)

## 3. So sánh nhất với trạng từ dài (Superlative with Long Adverbs)

So sánh nhất của trạng từ được dùng để so sánh cách thức thực hiện hành động của một đối tượng với tất cả các đối tượng còn lại trong một nhóm (từ 3 đối tượng trở lên).

### Cấu trúc:

**S + V + the most + adv + (in/of...)**

### Giải thích:

Chúng ta sử dụng "the most" đứng trước trạng từ dài để thể hiện mức độ cao nhất.

Ví dụ minh họa:

- 1. Among all the students, Sarah completed the test **the most quickly**. (Trong số tất cả học sinh, Sarah hoàn thành bài kiểm tra nhanh nhất.)
- 2. He explained the problem **the most clearly** of all. (Anh ấy giải thích vấn đề rõ ràng nhất trong tất cả mọi người.)
- 3. She performed **the most beautifully** in the competition. (Cô ấy đã trình diễn đẹp nhất trong cuộc thi.)

4. Bảng tổng hợp và so sánh

Dưới đây là bảng tóm tắt để bạn dễ dàng so sánh hai cấu trúc này:

| Loại so sánh | Cấu trúc          | Ví dụ                                               |
|--------------|-------------------|-----------------------------------------------------|
| So sánh hơn  | more + adv + than | She sings <b>more beautifully than</b> her friend.  |
| So sánh nhất | the most + adv    | She sings <b>the most beautifully</b> in her class. |

5. Các trạng từ bất quy tắc (Irregular Adverbs)

Một số trạng từ không tuân theo quy tắc thêm "more" và "the most". Bạn cần ghi nhớ các trường hợp đặc biệt này.

| Trạng từ gốc        | So sánh hơn       | So sánh nhất                |
|---------------------|-------------------|-----------------------------|
| <b>well</b> (tốt)   | better            | the best                    |
| <b>badly</b> (tệ)   | worse             | the worst                   |
| <b>far</b> (xa)     | farther / further | the farthest / the furthest |
| <b>little</b> (ít)  | less              | the least                   |
| <b>much</b> (nhiều) | more              | the most                    |

### Ví dụ với trạng từ bất quy tắc:

- He plays football **better than** his teammates. (Anh ấy chơi bóng đá giỏi hơn các đồng đội.)
- She performed **the worst** in the final exam. (Cô ấy đã làm bài tệ nhất trong kỳ thi cuối kỳ.)
- I can run **farther than** you. (Tôi có thể chạy xa hơn bạn.)

## 6. Lưu ý quan trọng

- **Phân biệt trạng từ và tính từ:** Hãy nhớ rằng trạng từ bổ nghĩa cho động từ (hành động), trong khi tính từ bổ nghĩa cho danh từ (sự vật, người). Đừng nhầm lẫn khi sử dụng.
- **Ví dụ:** He is a **careful** driver. (Anh ấy là một người lái xe cẩn thận -> 'careful' là tính từ). He drives **carefully**. (Anh ấy lái xe một cách cẩn thận -> 'carefully' là trạng từ).

- **Trạng từ vừa ngắn vừa dài:** Một số trạng từ có hai âm tiết như 'quietly', 'simply', 'cleverly' có thể được dùng theo cả hai cách, nhưng dạng 'more' phổ biến và an toàn hơn trong văn viết.
- **Ví dụ:** You can work more quietly. (Phổ biến hơn) hoặc You can work quieter.

VIDOCU.COM